

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Lam

2. Bà Hoàng Thị Bích Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2021 quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 178, ấp HP, thị trấn CD, huyện PH, tỉnh HG.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế Th, sinh năm 1985.

HKTT: Tổ 4, Ấp PL 4, xã PS, huyện TP, tỉnh ĐN.

Chỗ ở: Ấp PT, xã PB, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị A, anh Th. Chị A có đơn xin vắng mặt, anh Th triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Thúy A thể hiện:

Chị A và anh Nguyễn Thế Th tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2012. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã PS, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/2012. Sau khi

kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống một thời gian tại gia đình anh Th tại Ấp PT, xã PB, huyện TP, tỉnh ĐN. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp vì vậy chị A đã chuyển về ở tại số 178, ấp HP, thị trấn CD, huyện PH, tỉnh HG sinh sống và vợ chồng sống ly thân kể từ đó. Trong thời gian sống ly thân hai bên không còn qua lại thăm nom, chăm sóc tới nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên chị A đã gửi đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thế Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 08/02/2013. Từ năm 2016, con chung do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị A đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của nguyên đơn (bản sao); sổ hộ khẩu của nguyên đơn, bị đơn (Bản sao), giấy khai sinh của con (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản tự khai của nguyên đơn; đơn yêu cầu vắng mặt ngày 05/7/2021.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về sự có mặt của đương sự tại địa phương, việc đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân của các đương sự; Đơn xin thể hiện nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Gia H. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị A được ly hôn anh Th.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 08/02/2013 cho chị A nuôi dưỡng và không xem mức cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án xem xét. Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Th nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 203, 205 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị A vắng mặt do bà có đơn xin vắng mặt, anh Th được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Th có địa chỉ tại ấp PT, xã PB, huyện TP, tỉnh DN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị A yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 22/02/2021, chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Th. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị A là nguyên đơn, anh Th là bị đơn trong vụ án.

- Chị A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai vì vậy căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị A, anh Th được xác lập vào năm 2012. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã PS, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/2021. Chị A có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của chị A và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa Th, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và không đồng lòng chung sức chăm lo cho gia đình. Nay chị A nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh Th.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, từ năm 2016 đến nay, anh chị đã không còn sống chung với nhau. Anh chị ít trao đổi qua lại với nhau để vợ chồng có cơ hội về chung sống đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng

cứ chị A không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Do anh Th vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu nào của anh Th, Tòa án đã ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, có căn cứ xác định anh chị đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị được ly hôn với anh Th.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A khai báo có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 08/02/2013.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị A: Con chung hiện do chị A đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các bên đều có quyền được nuôi con, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Th không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh Th đối với yêu cầu nuôi con chung. Do cháu H còn nhỏ và quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý cho con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Hội đồng xét xử nhận xét thấy nên chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị A là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị A không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không có yêu cầu giải quyết, tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Th vắng mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Th về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 264 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy A được ly hôn anh Nguyễn Thế Th.

2. Về con chung: Chị A và anh Th có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 08/02/2013.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu.

Anh Th có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị A phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị A đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003980 ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thúy A và anh Nguyễn Thế Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 83/2012, ngày 04/9/2012);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi